

Số: **5483**/BC-BNN-PC

Hà Nội, ngày **02** tháng 11 năm 2011

BÁO CÁO

Tổng kết công tác pháp chế năm 2011 và chương trình công tác pháp chế năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện công văn số 5546/BTP-VP ngày 19 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện công tác pháp chế của Bộ năm 2011 (tính từ ngày 01/10/2010 đến hết ngày 30/9/2011) và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2012 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÁP CHẾ NĂM 2011

Triển khai thực hiện Quyết định 90/QĐ-BTP ngày 25/01/2011 ban hành Chương trình công tác của ngành Tư pháp năm 2011, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiến hành xây dựng, phê duyệt Kế hoạch và tổ chức thực hiện trên các lĩnh vực: xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi việc thi hành pháp luật; kiểm tra xử lý văn bản quy phạm pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; tuyên truyền, phổ biến pháp luật và một số công tác khác. Kết quả đạt được như sau:

1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Kết quả thực hiện:

- Bộ đã ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 3485/QĐ-BNN-PC ngày 28/12/2010 về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2011; Quyết định số 1421/QĐ-BNN-PC ngày 28/6/2011 về việc điều chỉnh kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sáu tháng cuối năm 2011. Căn cứ vào tình hình xây dựng văn bản của các đơn vị, Bộ thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các đơn vị đảm bảo tiến độ và chất lượng soạn thảo văn bản.

- Các đơn vị thuộc Bộ dựa trên kế hoạch xây dựng văn bản của Bộ, có kế hoạch cụ thể, chi tiết, phân công trách nhiệm cho từng bộ phận, cán bộ công chức soạn thảo văn bản, phối hợp với Vụ Pháp chế trong quá trình xây dựng văn bản.

1.1.1. Đối với các dự án Luật

- Bộ đã chuẩn bị hồ sơ 06 dự án Luật (Phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, Thú y, Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Thủy sản sửa đổi, Nông nghiệp, Thủy lợi) theo hướng dẫn và gửi Bộ Tư pháp đề tổ chức thẩm định, đưa vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội khoá XIII và năm 2012.

- Đối với dự án Luật phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai: Đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012. Bộ đã tổ chức tổng kết thi hành Pháp lệnh phòng chống lụt, bão; kiện toàn Ban soạn thảo, Tổ biên tập, tổ chức dự thảo và chuẩn bị hồ sơ theo quy định để gửi đăng trang thông tin điện tử, lấy ý kiến góp ý của các bộ, ngành.

1.1.2. Đối với văn bản trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành 03 Nghị định, 06 Quyết định.

- Bộ đã ban hành theo thẩm quyền là 78 văn bản; trong đó số lượng văn bản thực hiện Nghị quyết 57/NQ-CP về cải cách thủ tục hành chính là 15 văn bản. Như vậy, số văn bản đã ban hành theo kế hoạch là 64 văn bản, tăng 14% so với năm 2010 (năm 2010 là 55 văn bản)

(Danh mục Nghị định, Quyết định của Thủ tướng và Thông tư của Bộ kèm theo)

c) Thẩm định và góp ý kiến

- Văn bản từ cấp Thủ tướng trở lên: các đơn vị chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu trình Bộ Tư pháp thẩm định.

- Văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng: 100% số lượng dự thảo văn bản được Vụ Pháp chế tổ chức thẩm định.

- Chất lượng báo cáo thẩm định, tiếp thu ý kiến thẩm định và góp ý văn bản quy phạm pháp luật ngày càng được nâng cao. Nội dung công tác thẩm định, góp ý kiến văn bản tập trung vào tính pháp lý, tính khả thi của văn bản và một số ý kiến về nội dung, kỹ thuật soạn thảo, ngôn ngữ pháp lý của văn bản.

1.2. Đánh giá việc thực hiện Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2011 của Bộ:

- Năm 2011, ngoài các văn bản quy phạm pháp luật đăng ký trong kế hoạch xây dựng văn bản, các đơn vị thuộc Bộ đã tập trung thời gian, nguồn lực xây dựng, trình và ban hành theo thẩm quyền một số lượng văn bản khá lớn: 01 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 15 Thông tư của Bộ trưởng để thực hiện Nghị quyết 57/NQ-CP về việc đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ NN&PTNT.

- Công tác xây dựng văn bản của Bộ ngày càng được chú trọng hơn, Bộ thường xuyên có văn bản chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra tiến độ xây dựng văn bản hàng tháng, hàng quý. Đồng thời với việc chỉ đạo các đơn vị bám sát tiến độ trình ban hành văn bản, việc đánh giá mức độ hoàn thành hay không hoàn thành của

- 100% số văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng được Vụ Pháp chế thẩm định trước khi trình Bộ ký ban hành.

- Đối với những dự thảo văn bản có chứa thủ tục hành chính, các đơn vị đã thực hiện việc lấy ý kiến Phòng kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ -CP về kiểm soát thủ tục hành chính.

- Việc phối hợp giữa Bộ và Văn phòng Chính phủ từng bước được cải thiện thông qua các buổi làm việc giữa hai bên, để nắm tiến độ xây dựng văn bản đồng thời điều chỉnh tiến độ cho phù hợp.

1.3. Tồn tại và nguyên nhân

- Bên cạnh những mặt tích cực trong công tác xây dựng văn bản, vẫn còn một số tồn tại như: tiến độ xây dựng văn bản theo kế hoạch đối với một số đơn vị còn chậm, việc điều chỉnh tiến độ đặc biệt là với văn bản trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Năm 2011, Bộ tập trung nguồn lực để xây dựng văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết 57/NQ-CP về cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Do đó, việc xây dựng các văn bản theo kế hoạch "3485" và "1421" có phần bị ảnh hưởng dẫn đến tình trạng chậm tiến độ.

- Do các vấn đề thực tiễn phát sinh ngày càng nhiều hơn, đôi khi vượt quá quy định của Luật, pháp lệnh do đó cần phải có văn bản điều chỉnh. Các nội dung được đề cập đến trong các văn bản phức tạp, thuộc phạm vi quản lý của nhiều ngành, lĩnh vực thuộc Bộ hay các Bộ khác nhau.

- Một số văn bản đăng ký trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhưng do căn cứ pháp lý là các văn bản cấp trên lại đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung do đó cần phải chờ căn cứ pháp lý đó, gây ảnh hưởng đến tiến độ trình và ban hành văn bản.

- Lãnh đạo một số đơn vị được phân công chủ trì soạn thảo chưa có sự quan tâm đúng mức đến công tác xây dựng văn bản do còn tập trung vào giải quyết nhiều công việc sự vụ như dịch bệnh, thiên tai,...nên việc soạn thảo văn bản thường được đặt sau các công tác sự vụ đó, hoặc đôi khi chỉ tiến hành khi có sự chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo chưa tích cực đôn đốc việc thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục, việc soạn thảo văn bản đôi khi còn mang nặng tính hình thức, làm để đảm bảo tiến độ chứ chưa chú trọng đến nội dung văn bản. Từ đó dẫn đến tình trạng một số văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng tuy đã đưa vào kế hoạch nhưng không thể hoàn thành nên lại phải điều chỉnh tiến độ.

2. Công tác theo dõi thi hành pháp luật

Căn cứ quy định của Thông tư 03/2010/TT-BTP, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã soạn thảo công văn hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ thực hiện để phù hợp với tình hình và phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Các đơn vị thuộc Bộ tự xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực mình phụ trách, báo cáo kết quả về Vụ Pháp chế để tổng hợp. Vụ Pháp chế là đơn vị đầu mối tổng hợp, đồng thời cũng xây dựng kế hoạch và trực tiếp kiểm tra tình hình thi hành pháp luật tại các địa phương.

Việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được tiến hành chủ yếu bằng hình thức kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thông qua các đoàn kiểm tra tại các địa phương hoặc kiểm tra thông qua báo cáo của đối tượng kiểm tra, trong đó chủ yếu là hình thức tổ chức đoàn kiểm tra tại các địa phương, đơn vị. Nhiều đơn vị trong Bộ đã tiến hành kiểm tra tình hình thi hành pháp luật bằng cách kết hợp với các đoàn thanh tra, kiểm tra hoặc các hoạt động khác của đơn vị. Công tác theo dõi thi hành pháp luật được tiến hành trên tất cả các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.1. Kết quả đạt được

- Về tình hình ban hành văn bản ở các địa phương: Nhìn chung các văn bản đều được ban hành kịp thời, nội dung hướng dẫn phù hợp, không trái với văn bản cấp trên.

- Về công tác tuyên truyền, phổ biến GDPL: Các địa phương cũng đã triển khai thực hiện công tác này, vận dụng nhiều hình thức khác nhau và lồng ghép với các chương trình, dự án khác.

- Về việc chấp hành pháp luật: Hầu hết các địa phương đều thực hiện khá tốt các văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên tình trạng vi phạm vẫn xảy ra.

- Về tính hợp lý của văn bản quy phạm pháp luật: Qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật, thấy một số các văn bản bộc lộ nhiều bất cập, gây khó khăn cho quá trình thực thi, cụ thể:

+ Nghị định 26/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ thực vật quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành bảo vệ thực vật khiến việc thực hiện pháp luật của các địa phương gặp nhiều khó khăn

+ Chưa có Nghị định hướng dẫn Luật An toàn thực phẩm, Luật Thanh tra dẫn đến sự không thống nhất, không đồng bộ giữa các văn bản, gây nhiều khó khăn, vướng mắc cho quá trình thực hiện.

+ Về phát triển nông thôn: Quyết định số 78/2008/QĐ-TTg mức hỗ trợ thấp, chưa giải quyết được khó khăn của các hộ di dân khi chuyển đến nơi ở mới.

+ Chương trình giảm nghèo: Các văn bản hướng dẫn nhiều nhưng chưa đồng bộ, việc vay vốn phát triển sản xuất còn hạn chế do là các hộ nghèo không có tài sản thế chấp, hộ nghèo còn tâm lý dựa vào hỗ trợ của nhà nước.v.v.

+ Về Thú y: Một số quy định của pháp luật về thú y cũng như chính sách hỗ trợ trong thực tế tại các tỉnh miền núi là chưa phù hợp như quy định về lò giết mổ tập trung nhưng các tỉnh miền núi dân cư thưa thớt, giao thông khó khăn, buộc xây dựng các lò mổ tập trung là không khả thi. Quy định về hỗ trợ vắc xin tiêm phòng cho gia súc đối với hộ nghèo, tuy nhiên mỗi bản chỉ có 1-2 hộ nghèo với số lượng gia súc ít, do vậy, còn một số lượng lớn gia súc trong bản không được tiêm phòng hoặc tiêm không đầy đủ.

2.2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân:

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật là một công tác mới, vì vậy, việc tổ chức triển khai thực hiện vẫn còn lúng túng, chưa tìm ra mô hình tổ chức kiểm tra thực hiện pháp luật để vừa đảm bảo tính hiệu quả của công tác này, vừa tạo thể chủ động cho các đơn vị.

- Nội dung của Thông tư số 03/2010/TT-BTP còn chưa cụ thể, mang tính chung chung, khó thực hiện. Ví dụ như nội dung theo dõi thi hành pháp luật chủ yếu mang tính định tính, chỉ có thể đưa ra các nhận định chung chung.

- Chưa có quy định về kinh phí cho công tác theo dõi thi hành pháp luật, trong khi đó có những phương pháp như điều tra, khảo sát đòi hỏi phải có kinh phí lớn.

- Các đơn vị chưa nhận thức được tầm quan trọng của công tác này vì vậy chưa chú ý thực hiện.

3. Công tác kiểm tra văn bản

3.1. Kết quả đạt được

3.1.1. Tự kiểm tra văn bản

- Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 30/9/2011, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã soạn thảo và ban hành 78 Thông tư. Sau khi Bộ trưởng ký ban hành, Vụ Pháp chế đã tiến hành tổ chức kiểm tra từng văn bản theo quy định. Đến nay đã kiểm tra 78/78 Thông tư, kết quả: 100% các văn bản kiểm tra được ban hành đúng quy định của pháp luật, không có văn bản có dấu hiệu trái pháp luật dẫn đến gây hậu quả tiêu cực trong công tác quản lý nhà nước của Bộ.

- Vụ Pháp chế đã kiểm tra 02 văn bản hành chính có chứa quy phạm pháp luật, bao gồm:

+ Công văn số 1538/BVTV-QLT ngày 8/9/2010 của Cục Bảo vệ thực vật về việc hướng dẫn thi hành Thông tư số 38/2010/TT-BNNPTN quy định về quản lý thuốc BVTV.

+ Công văn số 859/HD-TT-QLCL ngày 16/6/2011 của Cục Trồng trọt hướng dẫn thực hiện quy định về giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý của Cục Trồng trọt.

Qua kiểm tra Vụ Pháp chế phát hiện 2 văn bản trên có dấu hiệu trái pháp luật, đã thông báo đến các đơn vị trên tự kiểm tra. Cục Thú y và Cục Trồng trọt đã tự kiểm tra và xử lý hủy bỏ những nội dung có chứa quy phạm pháp luật tại 2 công văn trên.

3.1.2. Kiểm tra văn bản theo thẩm quyền

- Để phục vụ cho công tác kiểm tra văn bản theo thẩm quyền, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành công văn số 3765/BNN-PC ngày 15/11/2010 đề nghị các Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố thuộc Trung ương gửi văn bản QPPL ban hành có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ NNPTNT để kiểm tra theo thẩm quyền. Tính đến

30/9/2011 Bộ NNPTNT đã nhận được 92 văn bản QPPL của HĐND, UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương ban hành và Bộ NNPTNT đã tổ chức kiểm tra. Kết quả kiểm tra cho thấy, về cơ bản nội dung văn bản của các địa phương không trái với nội dung quản lý nhà nước của Bộ NNPTNT, ban hành đúng thẩm quyền. Cá biệt, Bộ NNPTNT phát hiện có 2 văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, cụ thể:

+ Quyết định số 05/2010/QĐ-UB ngày 01/3/2010 của UBND tỉnh Gia lai về việc ban hành quy định về quản lý và điều kiện trang trại nuôi sinh sản, sinh trưởng động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh Gia lai.

+ Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND ngày 02/6/2009 của UBND tỉnh An Giang quy định về quản lý, bảo vệ rừng và sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Bộ đã có văn bản thông báo cho 2 tỉnh trên tự kiểm tra và báo cáo kết quả xử lý về Bộ NNPTNT theo quy định.

3.1.3. Đánh giá

Công tác kiểm tra xử lý văn bản quy phạm pháp luật được Bộ NNPTNT quan tâm, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Nghị định 40/2010/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn. Công tác kiểm tra văn bản bước đầu đạt được một số kết quả nhất định, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3.2. Tồn tại và nguyên nhân

- Chưa có cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ kiểm tra văn bản, mà kiêm nhiệm nên hiệu quả công tác kiểm tra văn bản chưa cao.

- Một số cán bộ chưa có nhiều thực tế, kinh nghiệm, chưa qua đào tạo về các lĩnh vực chuyên ngành nên còn hạn chế phát hiện các sai phạm trong quá trình kiểm tra văn bản.

- Công tác kiểm tra văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực chưa được thực hiện.

- Chưa hoàn chỉnh được hệ thống cơ sở dữ liệu để phục vụ cho công tác kiểm tra văn bản.

4. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

4.1. Kết quả đạt được

- Vụ Pháp chế là đơn vị đầu mối được giao trực tiếp triển khai Đề án 554, tiểu đề án 1, kết quả:

+ Tổ chức hội nghị sơ kết thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số từ năm 2009 đến năm 2012" (Đề án 554) giai đoạn 1 (2009-2010). Trong năm 2011, Vụ đã biên soạn và phát hành 35 mẫu tờ gấp, 7 mẫu sổ tay pháp luật, 3 mẫu sách hỏi đáp, 2500 đĩa DVD, In 60.000 tờ gấp, 2000 sổ tay, 6000 sách hỏi đáp; tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng: 90 chương trình, bản tin trên VTV2, 72

chương trình, bản tin trên VOV1, 198 số báo trên báo Nông nghiệp Việt nam, 36 chương trình, bản tin trên VTC16 để phục vụ công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật

+ Thực hiện một số hoạt động khác của Đề án: trao đổi tài liệu tuyên truyền PBPL giữa các Tiểu Đề án, xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra chung Đề án 554 của 4 cơ quan chủ trì Tiểu Đề án, xây dựng kế hoạch soạn bài giảng TTPBPL, xây dựng công văn hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện Đề án, thu thập thông tin kết quả thực hiện Đề án 554, chuyển tài liệu TTPBPL cho các địa phương (63 Sở NNPTNT), hoàn thiện thủ tục chuyển kinh phí hỗ trợ cho 6 mô hình thí điểm tại Bắc Giang (2 MH), Hà Giang (1 MH), Nghệ An (1 MH), Sóc Trăng (2 MH), thu thập thông tin kết quả thực hiện Đề án 554, xây dựng Báo cáo Đề án 554, Báo cáo Tiểu Đề án 1 giai đoạn 1.

+ Tổ chức: 10 lớp bồi dưỡng cho 300 cán bộ làm công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn ở cấp tỉnh tại: Quảng Ninh, Hà Giang, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hải Phòng, Khánh Hoà, Lâm Đồng, Cần Thơ, Sóc Trăng, Long An; 16 hội nghị phổ biến pháp luật cấp huyện tại: Hải Phòng, Bắc Giang, Hà Giang, Thái Nguyên, Khánh Hoà, Lâm Đồng, Cần Thơ, Sóc Trăng, Long An cho 640 cán bộ cấp huyện; 13 hội nghị tại mô hình tại: Hà Giang, Bắc Giang, Sóc Trăng, Long An cho 520 cán bộ và người dân ở mô hình; kiểm tra tình hình thực hiện đề án 554 tại 11 tỉnh: Hoà Bình, Bắc Giang, Hải Dương, Thái Bình, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Long An, Cần Thơ, Sóc Trăng, Gia Lai, Khánh Hoà.

+ Củng cố, kiện toàn Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật của Bộ; Lập danh sách đề nghị Bộ Tư pháp công nhận báo cáo viên pháp luật từ các đơn vị thuộc Bộ.

- Các đơn vị thuộc Bộ theo chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức nhiều lớp tuyên truyền, tập huấn pháp luật chuyên ngành với số lượng tham gia tập huấn hàng trăm người tham gia ở các lĩnh vực như: thú y, thủy lợi, lĩnh vực phòng, chống lụt bão, về ứng phó với biến đổi khí hậu..), bảo vệ thực vật, thủy sản, chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới, chương trình vệ sinh nước sạch môi trường nông thôn....Cụ thể: Tổng cục Lâm nghiệp: Tổ chức tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng thông qua tạp chí Dân tộc miền núi với 6 ngôn ngữ: Việt, Khome, Gialai, êđê, Chăm, Bana; tổ chức 03 hội nghị tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực lâm nghiệp. Cục Kinh tế hợp tác: tổ chức 03 cuộc phổ biến cho toàn bộ cán bộ công chức cục về các văn bản QPPL, 01 cuộc phổ biến về lĩnh vực hợp tác xã; lồng ghép công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong các cuộc Hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn về lĩnh vực chuyên môn. Vụ Hợp tác quốc tế: Tổ chức hội thảo hoàn thiện dự án xây dựng dữ liệu về các quy định nhập khẩu trong lĩnh vực SPS của một số đối tác thương mại chính của Việt Nam: Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan,

Indonexia,... Tổng cục Thủy lợi: Tổ chức 02 lớp bồi dưỡng cho cán bộ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương một số cơ chế, chính sách về thủy lợi. Cục Quản lý chất lượng : Tổ chức thực hiện "Ngày pháp luật" tại cơ quan Cục vào buổi giao ban tuần cuối cùng của tháng để phổ biến các văn bản QPPL liên quan đến lĩnh vực phụ trách. Thanh tra Bộ: Tổ chức hội nghị phổ biến Luật Thanh tra; 02 lớp đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ thanh tra và thanh tra viên chính.

5. Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

5.1. Kết quả đạt được

5.1.1. Những kết quả đạt được

- Vụ Pháp chế tiến hành rà soát, hệ thống hoá cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng hệ cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác kiểm tra, nghiên cứu văn bản của Vụ. Việc hệ thống hoá được thực hiện dựa trên việc hệ thống hoá theo từng văn bản có giá trị pháp lý cao nhất hiện đang có hiệu lực có liên quan đến nông nghiệp và phát triển nông thôn. Cụ thể đã hệ thống hoá các văn bản của 28 Luật, 9 Pháp lệnh, 2 Nghị định và 01 hệ cơ sở dữ liệu về cơ chế chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Rà soát các văn bản liên quan để thực hiện sửa đổi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP của Chính phủ về đơn giản hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Rà soát các Nghị định quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức thanh tra ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo Luật Thanh tra 2010. Kết quả rà soát cho thấy có 03 Nghị định, 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 10 văn bản QPPL ban hành theo thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan thanh tra về nông nghiệp và phát triển nông thôn; 04 Nghị định quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan thanh tra về nông nghiệp và phát triển nông thôn không phù hợp với Luật Thanh tra 2010

- Rà soát Luật Thủy sản với các Luật có liên quan để tiến hành sửa đổi Luật Thủy sản. Kết quả: Đã tiến hành rà soát 8 Luật, 2 Pháp lệnh, 2 Nghị định có liên quan. Trong đó có 04 Luật chứa những quy định mâu thuẫn với Luật Thủy sản.

- Rà soát các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng từ năm 2009 đến 2011 để lập, công bố danh mục văn bản hết hiệu lực.

5.1.2. Đánh giá chung

- Tổ chức hoạt động rà soát kịp thời khi có yêu cầu của cấp trên và các cơ quan khác.

- Đã chú trọng triển khai hoạt động rà soát hệ cơ sở dữ liệu cho Vụ.

- Có sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo đối với một số hoạt động rà soát như: rà soát Luật Thủy sản, rà soát thực hiện Nghị quyết 57/NQ-CP về cải cách thủ tục hành chính.

5.2. Tồn tại và nguyên nhân

- Mới chỉ tiến hành rà soát khi có yêu cầu và khi có sự thay đổi trong quá trình xây dựng văn bản, chưa tập trung rà soát và đánh giá tổng thể hệ thống pháp luật về nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Do tập trung vào rà soát một số yêu cầu cấp thiết của cơ quan cấp trên nên chưa có đủ nguồn nhân lực và điều kiện để triển khai tổng thể hoạt động rà soát hệ thống văn bản về nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Khối lượng công việc của cán bộ công chức pháp chế được giao ngày càng nhiều, tuy nhiên, kiến thức và kinh nghiệm của cán bộ công chức còn hạn chế.

6. Hợp tác quốc tế về pháp luật

6.1. Kết quả

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có 01 dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật: Dự án Luật Thủy sản giai đoạn II – đưa luật vào cuộc sống

Nhà tài trợ: Chính phủ Vương quốc Na uy (thực hiện qua Trung tâm hợp tác, phát triển nghề cá Na uy), Thời gian hoạt động: từ 2005 đến hết 2011

Mục tiêu tổng quát của Dự án: Góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành thủy sản Việt Nam qua hoạt động xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về thủy sản

- Ngoài Dự án nói trên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được một số tổ chức quốc tế như FAO, OIE, USAID, Stop AT, ... hỗ trợ kinh phí xây dựng Dự án Luật Thú y và Dự án Luật Bảo vệ thực vật.

Trong năm 2011 các dự án hợp tác nói trên đã hỗ trợ có hiệu quả để Bộ NN và PTNT xây dựng các dự án luật quản lý chuyên ngành.

6.2. Tồn tại, nguyên nhân

Hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật chưa được thể hiện bằng những dự án tập trung (trừ dự án Luật Thủy sản), chưa tương xứng với nhu cầu xây dựng thể chế nói chung và các luật chuyên ngành nói riêng của Bộ NN và PTNT.

7. Công tác bồi thường nhà nước

7.1. Kết quả

- Thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Chỉ thị số 1565/CT-TTg ngày 21/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 178/QĐ-BNN-PC ngày 21/01/2010 ban hành kế hoạch thực hiện Chỉ thị 1565/CT-TTg .

- Bộ triển khai công tác này theo văn bản của cơ quan cấp trên và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ động quán triệt, tổ chức triển khai Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Chỉ thị 1565/CT-TTg đến cán bộ công chức của đơn vị. Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức tập huấn một số nội dung cơ bản về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cho Chánh thanh tra, Thanh tra viên các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lãnh đạo và Chánh Thanh tra các Tổng cục, Cục quản lý Nhà nước chuyên ngành thuộc Bộ (300 lượt người),

Lãnh đạo và Chánh Thanh tra, Thanh tra viên và cán bộ các cơ quan đơn vị thuộc Bộ (230 lượt người).

- Công tác rà soát các quyết định, hành vi hành chính: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với các Cục, Vụ có liên quan rà soát, lập danh mục các quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường theo quy định tại Điều 13 Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước. Đến nay đã có 40 đơn vị có báo cáo kết quả tự rà soát gửi về Thanh tra Bộ để tổng hợp. Công tác rà soát các hành vi hành chính, quyết định hành chính có thể phát sinh bồi thường nhà nước sẽ được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục thực hiện thường xuyên.

- Việc bố trí kinh phí đảm bảo công tác bồi thường Nhà nước: Tại kế hoạch số 178, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các đơn vị hàng năm xác định nhu cầu kinh phí và lập dự toán ngân sách cho công tác bồi thường nhà nước gửi về Vụ Tài chính để tổng hợp.

- Công tác bố trí cán bộ: Tại Quyết định 178, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã yêu cầu các Tổng cục, Cục, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ phân công 01 Lãnh đạo và 02 chuyên viên có nhiệm vụ theo dõi, giải quyết yêu cầu bồi thường khi có phát sinh trường hợp cán bộ, công chức của đơn vị mình có hành vi vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quy định tại Điều 13 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Đến nay, mỗi vị đã cử 01 đồng chí Lãnh đạo và 01 đến 02 chuyên viên giúp việc về công tác bồi thường Nhà nước. Tuy nhiên, việc phân công cán bộ nói trên lấy từ nguồn cán bộ hiện có của từng đơn vị, không có việc bổ sung thêm biên chế cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về bồi thường, cán bộ được phân công hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

7.2.2. Tồn tại, nguyên nhân

- Bồi thường nhà nước là vấn đề mới nên công chức thực hiện còn bỡ ngỡ, chưa đủ kiến thức, trình độ để có thể xử lý ngay những trường hợp yêu cầu bồi thường nhà nước. Lực lượng cán bộ này cần phải được tập huấn kiến thức, kỹ năng thực hiện công tác bồi thường Nhà nước.

- Tại các Bộ kinh tế chuyên ngành không có biên chế cán bộ chuyên trách thực hiện công tác quản lý Nhà nước về bồi thường.

8. Cải cách hành chính

Triển khai thực hiện Nghị quyết 57/NQ-CP về đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ

được giao cần đơn giản hoá 379 thủ tục hành chính, theo đó phải soạn thảo, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền: 03 Pháp lệnh (Giống cây trồng, Thú y, Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật), 15 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 68 văn bản của Bộ, 03 văn bản liên tịch (trong đó 01 văn bản do Bộ chủ trì và 02 văn bản do Bộ khác chủ trì)

8.1. Kết quả:

- Pháp lệnh: 03 Pháp lệnh (16 thủ tục) đã gửi Bộ Tư pháp tổng hợp theo công văn số 830/BNN-PC ngày 30/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTTN. Tuy nhiên, hiện nay Bộ Tư pháp mới đang trình UBTVQH xem xét đưa vào chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh khoá XIII cùng với việc sửa đổi, bổ sung các Luật, Pháp lệnh của các Bộ, ngành khác.

- Nghị định: Đã trình Văn phòng Chính phủ: 01 nghị định để sửa 11 Nghị định; gửi Bộ Tư pháp thẩm định và đang giải trình để gửi Văn phòng Chính phủ 01 Nghị định (Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi); 03 Nghị định đang tiến hành soạn thảo.

- Thông tư: đã ban hành 15 Thông tư để sửa đổi 57 văn bản cấp bộ, còn 11 văn bản phải chờ các văn bản cấp trên.

8.2. Tồn tại và nguyên nhân: Nhìn chung các văn bản đảm bảo đúng thời hạn Nghị quyết yêu cầu, còn lại 03 Nghị định chậm tiến độ trong đó: Nghị định số 08/2010/NĐ-CP về quản lý thức ăn chăn nuôi là do các đơn vị thuộc Bộ không thực hiện đúng kéo dài thời gian, 02 Nghị định về quản lý phân bón xin hoãn đến tháng 12/2011 vì việc xây dựng Nghị định này rất phức tạp vì thay đổi phương thức quản lý chuyển từ quản lý theo danh mục sang quản lý theo quy chuẩn kỹ thuật.

9. Công tác xây dựng ngành, đào tạo và nghiên cứu khoa học, thi đua khen thưởng

9.1. Công tác xây dựng ngành, thi đua khen thưởng

a) Đánh giá kết quả đạt được

Vụ Pháp chế thuộc Bộ là cơ quan tham mưu, tổng hợp giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn bằng pháp luật về các ngành, lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

- Hiện tại, số cán bộ, công chức của Vụ có 23 người, so với chỉ tiêu biên chế được giao tại Quyết định số 2378/QĐ-BNN-TCCB ngày 10 tháng 10 năm 2011 thì Vụ Pháp chế vẫn còn thiếu 03 chỉ tiêu biên chế. Hầu hết các cán bộ, công chức của Vụ đều tốt nghiệp đại học chuyên ngành Luật (18), Lâm nghiệp (01), Thủy lợi (01), Nông nghiệp (01), Hành chính (02). Trong đó có 01 công chức là tiến sĩ, 05 công chức là thạc sĩ và một số công chức đang theo học văn bằng hai và thạc sĩ.

- Vụ Pháp chế không có tổ chức phòng. Để quản lý công việc của Vụ, Vụ phân công cán bộ công chức theo tổ chuyên môn (*Tổ tổng hợp, Tổ rà soát văn bản, Tổ kiểm tra văn bản, Tổ tuyên truyền phổ biến pháp luật và Tổ kiểm tra thực hiện pháp luật*), mỗi tổ do một đồng chí lãnh đạo Vụ phụ trách. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Vụ Pháp chế luôn được quan tâm đúng mức, nhờ đó cán bộ, công chức của Vụ ngày càng được tích lũy thêm kiến thức, kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm trong triển khai công việc được giao.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo phong trào thi đua đã được quan tâm đúng mức hơn những năm trước, công tác thi đua khen thưởng ngày càng đi vào nề nếp hơn; Các phong trào thi đua đã góp phần động viên, khuyến khích cán bộ, công chức hăng hái tham gia các phong trào thi đua để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuyên môn; Phong trào thi đua được duy trì thường xuyên và tập trung vào những chủ đề cụ thể, thiết thực nên có tác động tích cực đến tư tưởng, thái độ của cán bộ, công chức, viên chức; Công tác khen thưởng cơ bản đã được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo được việc khen thưởng đúng đối tượng, đúng thành tích nên đã khích lệ, động viên kịp thời các phong trào thi đua; Lãnh đạo đơn vị luôn gương mẫu trong các phong trào thi đua, luôn quan tâm, khuyến khích thắt chặt tinh thần đoàn kết trong Vụ tạo nên sức mạnh tập thể để hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành thắng lợi các phong trào thi đua.

- Vụ Pháp chế đã phát động phong trào "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; phát động phong trào thanh niên nghiên cứu khoa học; phát động phong trào CBCC đi làm đúng giờ, nâng cao trình độ Tiếng anh, sinh hoạt chuyên đề; rèn luyện tác phong người cán bộ kiểu mẫu, đổi mới lề lối, cách thức làm việc, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... Qua đó, chất lượng công việc, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức của Vụ đã được nâng lên một bước.

- Cùng với các phong trào thi đua, công tác khen thưởng đã được thực hiện kịp thời để động viên phong trào. Việc khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng, đúng thành tích đã tạo nên khí thế hào hứng, phấn khởi trong đơn vị.

b) Tồn tại và nguyên nhân

- Nhận thức của một số lãnh đạo và cán bộ công chức của một số đơn vị về công tác pháp chế còn hạn chế, chưa đầy đủ, chưa thấy hết vai trò, vị trí của công tác này trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của từng cơ quan, đơn vị. Do vậy, các đơn vị còn thiếu chủ động trong công tác pháp chế.

- Tổ chức pháp chế tại các Tổng cục, Cục thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa được tổ chức theo hướng độc lập, chuyên trách.

- Cán bộ làm công tác pháp chế nếu được đào tạo về luật thì còn thiếu kiến thức chuyên ngành, nếu được đào tạo về chuyên ngành thì thiếu kiến thức về luật.

- Nhà nước chưa có chế độ đãi ngộ thoả đáng cho cán bộ pháp chế, mức lương và thu nhập còn thấp dẫn đến tình trạng một số cán bộ chưa yên tâm công tác xin chuyển công tác hoặc xin thôi việc.

- Việc nghiên cứu, tiếp cận với pháp luật quốc tế là quan trọng khi Việt Nam gia nhập WTO và các tổ chức quốc tế khác, là thành viên của các điều ước quốc tế song phương và đa phương về nông nghiệp. Thực trạng đó đòi hỏi cán bộ pháp chế Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải có khả năng ngoại ngữ, am hiểu luật pháp quốc tế. Tuy nhiên, năng lực cán bộ pháp chế Bộ chưa đáp ứng được đòi hỏi này.

- Thực hiện Chương trình cải cách hành chính của Chính phủ mà trọng tâm là cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, Vụ Pháp chế Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được Bộ giao nhiệm vụ có vai trò quan trọng trong việc xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp lý về nông nghiệp và phát triển nông thôn. Nhu cầu kiện toàn tổ chức pháp chế Bộ (từ Vụ Pháp chế đến tổ chức pháp chế các Tổng cục, Cục thuộc Bộ) là cần thiết, nhằm thiết lập được hệ thống tổ chức pháp chế Bộ đủ mạnh về tổ chức và năng lực, đảm bảo thực hiện tốt chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng thực hiện việc quản lý ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn bằng pháp luật. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần có Đề án kiện toàn, nâng cao năng lực cho các tổ chức pháp chế Bộ.

- Ban hành Quyết định số 2208/QĐ-BNN-PC ngày 23/9/2011 về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.

9.2. Công tác nghiên cứu khoa học năm 2011 và công tác khác

9.2.1. Kết quả đạt được

Trong năm 2011 Vụ Pháp chế được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao chủ trì thực hiện 3 đề tài nghiên cứu khoa học đặc thù, cụ thể là các đề tài sau: Một số giải pháp chủ yếu hoàn thiện chính sách giảm nghèo trong nông nghiệp; Nghiên cứu hoàn thiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Một số giải pháp để hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và tổ chức pháp chế của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện nhiệm vụ do Bộ giao Lãnh đạo Vụ Pháp chế đã phân công cán bộ, công chức của Vụ làm chủ nhiệm đề tài, viết đề tài nhánh đồng thời xây dựng kế hoạch để thực hiện đề tài nhằm đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng trong việc nghiên cứu. Về cơ bản, 03 đề tài đã được hoàn thiện theo đúng mục tiêu kế hoạch đặt ra; các kết quả nghiên cứu khoa học đều trực tiếp phục vụ cho công tác chuyên môn, góp phần nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức của Vụ.

9.2.2. Tồn tại và nguyên nhân

- Mặc dù có những thuận lợi nhất định trong công tác nghiên cứu như kinh phí cho nghiên cứu ngày càng tăng nhưng sản phẩm nghiên cứu còn hạn

ché, các đề tài, đề xuất nghiên cứu khoa học chưa thực sự có tính mới, tính đột phá về cách tiếp cận, nội dung và tính thực tiễn.

- Tiến độ thực hiện của các đề tài nhánh còn chậm so với kế hoạch đề ra gây khó khăn cho công tác nghiên cứu, tổng hợp của đề tài chính.

- Một số cán bộ, công chức chưa tích cực, năng động trong việc đề xuất ý tưởng nghiên cứu, khả năng tiếp cận hạn chế, chưa chủ động thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học, năng lực nghiên cứu khoa học còn hạn chế.

- Thời gian dành cho nghiên cứu còn hạn chế do thời gian để làm công tác chuyên môn cũng như công việc đột xuất do Bộ giao ngày càng nhiều.

9.3. Tổng kết Luật Đất đai trong nông, lâm trường và Hợp tác xã nông nghiệp;

Tổng kết Hiến pháp năm 1992.

II. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

- Kết quả của công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản và kiểm tra, xử lý văn bản và kiểm tra thực hiện pháp luật đã phục vụ tốt cho công tác xây dựng văn bản QPPL mới đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ.

- Công tác soạn thảo, thẩm định và trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ đã được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định của Luật ban hành văn bản QPPL và Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 5/3/2009.

- Có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Bộ trưởng và Lãnh đạo Bộ phụ trách đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; hàng tháng tại Hội nghị giao ban tháng của Bộ có kiểm điểm về tình hình triển khai thực hiện công tác xây dựng văn bản; ban hành kịp thời các công văn chỉ đạo; tăng cường kiểm tra, đôn đốc tổ chức thực hiện kế hoạch. Thủ trưởng các đơn vị của Bộ ngày càng quan tâm đến công tác xây dựng, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật và kiểm tra thực hiện pháp luật .

- Trong quá trình triển khai thực hiện công tác pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được sự phối hợp giữa các đơn vị có liên quan trong quá trình xây dựng, góp ý, thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; rà soát và kiểm tra xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

- Công tác xây dựng, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật và kiểm tra thực hiện pháp luật đã được các đơn vị thuộc Bộ triển khai đồng bộ trên hầu hết các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ. Thông qua việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiểm tra thực hiện pháp luật, các đơn vị thuộc Bộ phát hiện ra những thiếu sót trong các văn bản QPPL, đề xuất bổ sung sửa đổi kịp thời.

- Bộ thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo, tập huấn bồi dưỡng trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế, nâng cao chất

lượng cán bộ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về công tác pháp chế của Bộ nói riêng và công tác pháp chế nói chung.

2. Một số khó khăn, tồn tại

- Công tác pháp chế của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về cơ bản đã được triển khai toàn diện, kết quả thực hiện kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đã được chú trọng theo chương trình, kế hoạch. Tuy nhiên, việc điều chỉnh kế hoạch do chậm tiến độ vẫn diễn ra thường xuyên.

- Trong công tác phổ biến giáo dục Pháp luật: việc xây dựng và thông qua chương trình, kế hoạch còn chậm; chưa tổ chức triển khai phổ biến trên diện rộng một số văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành. Định mức kinh phí dành cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, xây dựng, kiểm tra văn bản thấp so với thực tế nên trong quá trình triển khai thực hiện rất khó khăn.

II. DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2012

1. Công tác xây dựng văn bản

- Tiếp tục xây dựng 05 dự án Luật gồm: Luật Phòng chống giảm nhẹ thiên tai (trình Quốc hội cho ý kiến vào kỳ họp thứ 4), Luật Thú y, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Thủy lợi, Luật Thủy sản sửa đổi.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật năm 2012 sau khi được Bộ trưởng phê duyệt. Dự kiến khoảng 96 văn bản gồm 08 Nghị định, 08 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 80 Thông tư.

2. Công tác theo dõi thi hành pháp luật

- Ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2012 và tổ chức triển khai thực hiện; đôn đốc, hướng dẫn nghiệp vụ theo dõi thi hành pháp luật cho các đơn vị thuộc Bộ.

- Đổi mới phương pháp theo dõi thi hành pháp luật và lựa chọn một số lĩnh vực để thực hiện thí điểm (theo dõi thi hành pháp luật theo chuyên đề)

- Phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức các lớp tập huấn về nghiệp vụ theo dõi thi hành pháp luật.

3. Công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật

- Trình Bộ ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra văn bản năm 2012, dự kiến kiểm tra khoảng 80 văn bản của Bộ ban hành, 110 văn bản của UBND các tỉnh và các bộ, ngành liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Tổ chức kiểm tra văn bản QPPL, hành chính, uỷ quyền của các đơn vị thuộc Bộ; tổng hợp tình hình, kết quả tự kiểm tra của các đơn vị nhằm hạn chế thấp nhất tình trạng vi phạm pháp luật;

- Chủ động, kịp thời tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền các văn bản QPPL được gửi đến Vụ Pháp chế.

- Tổ chức kiểm tra văn bản QPPL theo chuyên đề, lĩnh vực thuộc quản lý nhà nước của Bộ NNPTNT tại 2 đến 3 tỉnh.

- Hoàn thiện hệ cơ sở dữ liệu phụ vụ cho công tác kiểm tra văn bản.
- Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra văn bản cho công chức pháp chế các Tổng cục, cục, Vụ thuộc Bộ và công chức pháp chế tại Sở NNPTNT.

4. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

- Chỉ đạo sát sao việc triển khai thực hiện Tiểu đề án 1 “tuyên truyền phổ biến pháp luật về nông nghiệp và phát triển nông thôn cho người dân nông thôn” theo Kế hoạch. Phối hợp, tham gia cùng với Ủy ban dân tộc, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân thực hiện tốt Đề án 554.

- Tổ chức tổng kết Đề án ”554”.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về phổ biến pháp luật trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

5. Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản ngành nông nghiệp và PTNT sau khi được phê duyệt.

6. Tiếp tục triển khai thực hiện: Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP theo Quyết định số 2208/QĐ-BNN-PC ngày 23/9/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế; từng bước thực hiện các nhiệm vụ khác mà Nghị định 55 giao cho Pháp chế các bộ, ngành.

Tiếp tục tổng kết Hiến pháp năm 1992.

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Để tạo điều kiện cho công tác pháp chế của Bộ hoạt động có hiệu quả hơn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Bộ Tư pháp:

1. Xây dựng, ban hành Thông tư hướng dẫn phương pháp đánh giá tác động sơ bộ, đánh giá tác động chi tiết của văn bản nghị định, pháp lệnh, luật theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2008.

2. Sớm ban hành các văn bản hướng dẫn Nghị định 55/2011/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế, để các Bộ chủ động trong việc triển khai thực hiện Nghị định.

3. Nội dung của Thông tư số 03/2010/TT-BTP về theo dõi thi hành pháp luật còn chưa cụ thể, mang tính chung chung, khó thực hiện. Đề nghị có quy định cụ thể hơn để dễ triển khai thực hiện. Bổ sung quy định về kinh phí cho công tác theo dõi thi hành pháp luật, trong khi đó có những nội dung như điều tra, khảo sát đòi hỏi phải có kinh phí lớn.

4. Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện chương trình phổ biến giáo dục pháp luật của Chính phủ giai đoạn 2008-2012. Phối hợp với Bộ Tài chính bố trí kinh phí cho các địa phương trong việc triển khai các đề án thuộc chương trình.

5. Phối hợp với Bộ Tài chính khẩn trương sửa đổi, bổ sung một số văn bản hướng dẫn về kinh phí cho công tác pháp chế (còn thiếu) theo hướng tăng kinh phí và định mức chi cho các hoạt động về pháp chế.

6. Quan tâm, hỗ trợ, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xây dựng các dự án Luật, đặc biệt là dự án Luật Phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; các Nghị định; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.


7. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng về công tác pháp chế cho cán bộ làm công tác pháp chế ở các Bộ, ngành trong đó có cán bộ làm công tác pháp chế của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Với những kết quả đạt được trong năm 2011 như trên, đề nghị Bộ Tư pháp tặng bằng khen cho Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác pháp chế năm 2011 và phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp công tác năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đề nghị Bộ Tư pháp tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (Văn phòng Bộ);
- Lãnh đạo Vụ;
- Lưu: VT, PC.

THỦ TƯỚNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP CHẾ

Nguyễn Văn Việt

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC NGHỊ ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CỦA CP, TTCP
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 548/BC-ANN-PC ngày 02/11/2011 của Bộ NN&PTNT)

Nghị định (3 văn bản)

1. Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng
2. Nghị định số 04/2011/NĐ -CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 Thực hiện bãi bỏ việc sử dụng các khu phân lũ, làm chậm lũ thuộc hệ thống sông Hồng
3. Nghị định số 08/2011/NĐ -CP ngày 25/1/2011 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (6 văn bản)

1. Quyết định số 63/2010/QĐ –TTg ngày 15/10/2010 về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản
2. Quyết định số 69/2010/QĐ –TTg ngày 03/11/2010 Quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
3. Quyết định số 73/2010/QĐ –TTg ngày 16/11/2010 Ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh
4. Quyết định số 01/2011/QĐ-TT ngày 04/1/2011 ban hành quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển
5. Quyết định số 11/2011/QĐ-TTg ngày 18/2/1011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển ngành mây tre
6. Quyết định của TTg số 34/2011/QĐ-TTg ngày 24/6/1011 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC THÔNG TƯ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 5482/BC-BNN-PC ngày 02/11/2011 của Bộ NN&PTNT)

1. Thông tư số 56/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/10/2010 Thông tư quy định một số nội dung trong hoạt động của các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi

2. Thông tư số 57/2010/TT-BNNPTNT ngày 4/10/2010 Ban hành định mức nhập, xuất, bảo quản giống lúa, giống ngô Dự trữ Nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

3. Thông tư số 58/2010/TT-BNNPTNT ngày 5 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn phòng, chống bệnh lùn sọc đen hại lúa.

4. Thông tư 59/2010/TT-BNNPTNT ngày 19/10/2010 Ban hành Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc quản lý của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp

5. Thông tư 60/2010/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ lợn

6. Thông tư 61/2010/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ gia cầm.

7. Thông tư 62/2010/TT-BNNPTNT ngày 28/10/2010 quy định danh mục các loại máy móc, thiết bị được hưởng chính sách theo QĐ 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản.

8. Thông tư 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 28/10/2010 Hướng dẫn việc quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

9. Thông tư số 64/2010/TT-BNNPTNT ngày 4/11/2010 Về việc đưa các sản phẩm có chứa Trifluralin ra khỏi Danh mục sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam.

10. Thông tư số 65/2010/TT-BNNPTNT ngày 5/11/2010 Ban hành Danh mục bổ sung giống cây trồng, phân bón được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng và Danh mục thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam

11. Thông tư số 66/2010/TTLT-BNNPTNT-BLĐT BXH-BTC ngày 16/11/2010 Hướng dẫn phát hành, quản lý và sử dụng thí điểm Thẻ học nghề nông nghiệp từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục đào tạo

12. Thông tư số 67/2010/TT-BNNPTNT ngày 17/11/2010 hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học công nghệ công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

13. Thông tư số 68/2010/TT-BNNPTNT ngày 3/12/2010 Ban hành “Danh mục chỉ tiêu, mức giới hạn cho phép về an toàn vệ sinh thực phẩm đối với một số sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc thực vật nhập khẩu, sản xuất lưu thông trong nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”

14. Thông tư số 69/2010/TT-BNNPTNT ngày 6/12/2010 Ban hành Danh mục thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam

15. Thông tư số 70/2010/TT-BNNPTNT ngày 8/12/2010 Ban hành Danh mục bổ sung giống cây trồng, phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam

16. Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT ngày 10/12/2010 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật

17. Thông tư số 72/2010/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2010 Quy định về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật về nông nghiệp và phát triển nông thôn

18. Thông tư số 01/2011/TT-BNNPTNT ngày 5/1/2011 Quy định về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần được bảo vệ, phục hồi và phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 82/2008/QĐ-BNN ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

19. Thông tư số 02/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/1/2011 Hướng dẫn nhiệm vụ quản lý nhà nước về chăn nuôi

20. Thông tư số 03/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/01/2011 Quy định về truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm không đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực thủy sản

21. Thông tư số 04 /2011/TT-BNNPTNT ngày 24/01/2011 Quy Hướng dẫn các biện pháp phòng, chống bệnh dịch tả lợn

22. Thông tư số 05 /2011/TT-BNNPTNT ngày 24/01/2011 Hướng dẫn các biện pháp phòng, chống bệnh Niu-cát-xơ ở gia cầm

23. Thông tư số 06 /2011/TT-BNNPTNT ngày 28/01/2011 Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 37/2009/TT-BNNPTNT ngày 26/6/2009 và Thông tư số 38/2009/TT-BNNPTNT ngày 26/6/2009

24. Thông tư số 07 /2011/TT-BNNPTNT ngày 29/01/2011 Hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp

25. Thông tư số 08 /2011/TT-BNNPTNT ngày 14/2/2011 Quy định trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận phòng chẩn đoán, xét nghiệm bệnh thủy sản

26. Thông tư số 09/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/3/2011 Quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác xuất khẩu vào thị trường Châu Âu

27. Thông tư số 10/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/3/2011 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Thông tư 24/2010/TT-BNNPTNT ngày 8/4/2010 về việc ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam của Bộ NN&PTNT và Thông tư số 46/2010/TT-BNNPTNT ngày 22/7/2010 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 24/2010/TT-BNNPTNT ngày 8/4/2010 về việc ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam

28. Thông tư số 11/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/3/2011 Hướng dẫn thực hiện Quyết định 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa

29. Thông tư số 12/2011/TT-BNNPTNT ngày 15/3/2011 Hướng dẫn về quy trình, thủ tục đầu tư từ nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và mua sắm, xử lý tài sản nhà nước hàng năm tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ và các Ban quản lý dự án thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

30. Thông tư số 13/2011/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2011 Hướng dẫn việc kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu

31. Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản

32. Thông tư số 15/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 ban hành "Quy chế thông tin đối với tàu cá hoạt động trên biển"

33. Thông tư số 17/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010

34. Thông tư số 18/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010

35. Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010

36. Thông tư số 20/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thú y theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/10/2010

37. Thông tư số 21/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010

38. Thông tư số 22/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, thi đua khen thưởng, quản lý đề tài khoa học theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010

39. Thông tư số 23/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý chất lượng thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/10/2010

40. Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ

41. Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP

42. Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT/BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn thực hiện Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của TTCP về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020

43. Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 Quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại

44. Thông tư số 28/2011/TT-BNNPTNT ngày 15/4/2011 Quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác xuất khẩu vào thị trường Châu Âu

45. Thông tư số 29/2011/TT-BNNPTNT ngày 15/4/2011 Ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam

46. Thông tư số 30/2011/TT-BNNPTNT ngày 15/4/2011 Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam”

47. Thông tư số 31/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/4/2011 Ban hành danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam

48. Thông tư số 32/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/4/2011 Ban hành danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam

49. Thông tư số 33/2011/TT-BNNPTNT ngày 16/5/2011 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện vệ sinh thú y

50. Thông tư số 34/2011/TT-BNNPTNT ngày 17 tháng 5 năm 2011 Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư Dự án thủy điện Lai Châu

51. Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 Hướng dẫn việc thực hiện việc khai thác tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ

52. Thông tư số 36/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 về việc ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam

53. Thông tư số 37/2011/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 23 tháng 5 năm 2011 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Chi cục Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

54. Thông tư số 38/2011/TT-BNNPTNT ngày 23/5/2011 Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông

55. Thông tư số 39/2011/TT-BNNPTNT ngày 24/5/2011 Hướng dẫn xây dựng quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết về di dân tái định cư và tổ chức phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp gắn với chế biến tiêu thụ sản phẩm vùng tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện

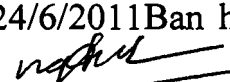
56. Thông tư số 40/2011/TT-BNNPTNT ngày 27/5/2011 Quy định năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi

57. Thông tư số 41/2011/TT-BNNPTNT ngày 2/6/2011 Ban hành “Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam”

58. Thông tư số 42/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/6/2011 Ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam

59. Thông tư số 43/2011/TT-BNNPTNT ngày 7/6/2011 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi

60. Thông tư số 44/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/6/2011 Bổ sung Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

61. Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2011 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng giống cây trồng 

62. Thông tư số 46/2011/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2011 Quy định về trình tự thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đề điều

63. Thông tư số 47/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/6/2011 Hướng dẫn thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản theo Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ

64. Thông tư số 48/2011/TT-BNNPTNT ngày 5/7/2011 Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng

65. Thông tư số 49/2011/TT-BNNPTNT ngày 15/7/2011 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 06 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

66. Thông tư số 50/2011/TT-BNNPTNT ngày 15/7/2011 Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 69/2010/QĐ-TTg ngày 3/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền, trình tự thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

67. Thông tư số 51/2011/TT-BNNPTNT ngày 27/7/2011 Ban hành danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam

68. Thông tư số 52/2011/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2011 Quy định các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên tôm nuôi

69. Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 2/8/2011 Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản

70. Thông tư số 54/2011/TT-BNNPTNT ngày 3/8/2011 Yêu cầu năng lực phòng thử nghiệm về chất lượng, an toàn thực phẩm Nông lâm thủy sản và muối

71. Thông tư số 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 3/8/2011 Kiểm tra, chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản

72. Thông tư số 56/2011/TT-BNNPTNT ngày 16/8/2011 Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Quản lý nhà nước về thú y thủy sản

73. Thông tư số 57/2011/TT-BNNPTNT ngày 23/8/2011 Bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm tra vệ sinh thú y

74. Thông tư số 58/2011/TT-BNNPTNT ngày 24/8/2011 Ban hành "Danh mục bổ sung giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam"

75. Thông tư số 59/2011/TT-BNNPTNT ngày 30/8/2011 Ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam

76. Thông tư số 60/2011/TT-BNNPTNT ngày 9/9/2011 Hướng dẫn kiểm tra về chất lượng muối nhập khẩu

77. Thông tư số 61/2011/TT-BNNPTNT ngày 12/9/2011 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực Thức ăn chăn nuôi

78. Thông tư số 62/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2011 Ban hành Danh mục sửa đổi, bổ sung thức ăn thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam

www.LuatVietnam.vn